

Số: 826/QĐ-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt, ban hành Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ (Nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Công văn 9115/BTC-QLCS ngày 25/8/2023 của Bộ Tài chính về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Công văn 6976/BGDĐT-CSVC ngày 14/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc lấy ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc, diện tích sử dụng chung của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Công văn 1181/BTC-QLCS ngày 30/01/2024 của Bộ Tài chính về việc Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc, công trình sự nghiệp của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Công văn 563/BGDĐT-CSVC ngày 05/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính tại văn bản 1181/BTC-QLCS ngày 30/01/2024;

Căn cứ Công văn 2853/BTC-QLCS ngày 21/03/2024 của Bộ Tài chính về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc, công trình sự nghiệp của Trường Đại học Tây Nguyên;



Căn cứ Công văn số 2158/BGDDĐT-CSVC ngày 10/05/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Tiêu chuẩn định mức sử dụng nhà làm việc, diện tích sử dụng chung, diện tích công trình sự nghiệp;

Căn cứ Chiến lược phát triển của Trường Đại học Tây Nguyên giai đoạn 2020 - 2027, định hướng 2035;

Căn cứ Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Tây Nguyên (Sau khi đã tiếp thu, rà soát, hiệu chỉnh các số liệu, nội dung theo Công văn số 2853/BTC-QLCS ngày 21/3/2024 của Bộ Tài chính và đã trừ phần diện tích của Khoa Y Dược);

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Cơ sở vật chất về việc phê duyệt, ban hành Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Tây Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt, ban hành Tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Tây Nguyên (Kèm theo các Phụ lục).

Điều 2. Phòng Cơ sở vật chất, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trường căn cứ theo tiêu chuẩn, định mức được duyệt để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê công trình sự nghiệp; quản lý, sử dụng các công trình sự nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; Hướng dẫn các đơn vị có liên quan kịp thời rà soát báo cáo và đề xuất trình cấp có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn định mức sử dụng cho phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển của nhà trường trong các giai đoạn tiếp theo.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Cơ sở vật chất, Kế hoạch tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD và ĐT (để b/c);
- ĐU, HĐTr (để b/c);
- Lưu VT, CSVC(B).



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc



CÁC PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 338/QĐ-ĐHTN ngày 15/ 05/2024)

PHỤ LỤC 1

Diện tích làm việc cho Giáo sư, Phó Giáo sư, Giảng viên chính/giảng viên

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Diện tích làm việc của Giáo sư, Phó Giáo sư, Giảng viên chính, giảng viên	m ²	5.747	Toàn bộ

PHỤ LỤC 2

Diện tích Giảng đường (Diện tích học)

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Giảng đường có quy mô từ 200 chỗ trở lên	m ²	1.760	Toàn bộ
2	Giảng đường có quy mô từ 100 chỗ trở lên	m ²	3.300	
Cộng			5.060	

PHỤ LỤC 3

Diện tích phòng học (Từ 25 đến dưới 100 chỗ ngồi)

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Diện tích phòng học (Từ 25 đến dưới 100 chỗ ngồi)	m ²	3.560	Toàn bộ

PHỤ LỤC 4

Diện tích Phòng thí nghiệm/thực hành

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Phòng thí nghiệm, phòng thực hành	m ²	9.146	Toàn bộ



PHỤ LỤC 5

Diện tích Thư viện

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Thư viện	m ²	14.375	Toàn bộ

PHỤ LỤC 6

Diện tích Ký túc xá

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Ký túc xá	m ²	30.240	Toàn bộ (Không kể nhà vệ sinh, phòng phục vụ công cộng, bếp và các phòng phụ trợ khác).



PHỤ LỤC 7

Diện tích khu hoạt động thể chất

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
I	Các môn thể thao, môn học về An ninh quốc phòng	m²	17.575	
1	Sân bóng rổ (28m x 15m x 2 sân)		840	Diện tích chuyên dùng cho các hạng mục công trình thể thao được xác định theo tiêu chuẩn hiện hành cho từng môn.
2	Sân bóng chuyền (18m x 9m x 4 sân)		648	
3	Sân Tennis (37m x 18m x 2 sân, cả hành lang cứu bóng)		1.332	
4	Sân bóng đá cỏ nhân tạo		1.500	
5	Sân bóng đá (Có đường chạy xung quanh, kích thước: 68m x 105m)		7.140	
6	Sân cầu lông (13,4m x 6,1m x 4 sân)		327	
7	Sân nhảy xa/cao		60	
8	Sân tập xà đơn/ xà kép/thể dục dụng cụ		36	
9	Bể bơi có mái che (62,2m x 27,2m x 1 cái)		1.692	
10	Sân tập điều lệnh cho Trung tâm đào tạo ANQP		1.000	
11	Sân tập bắn Trung tâm đào tạo ANQP		2.000	
12	Sân bãi tập ném lựu đạn Trung tâm đào tạo ANQP		1.000	
II	Nhà thể thao đa năng		1.008	Kích thước tối thiểu 42mx24mx12,5m
III	Nhà thể thao cán bộ		200	
Tổng diện tích chuyên dùng khu hoạt động thể chất		m²	18.783	



PHỤ LỤC 8

Diện tích Phòng chờ Giảng viên/Giáo viên

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Phòng chờ cho giảng viên	m ²	1.380	Toàn bộ

PHỤ LỤC 9

Diện tích Khu dịch vụ tổng hợp

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Nhà ăn, căn tin, khu dịch vụ tổng hợp (Dành cho sinh viên/học viên)	m ²	5.292	Toàn bộ
2	Nhà ăn, căn tin, khu dịch vụ tổng hợp (Dành cho CBGV)	m ²	147	
	Tổng cộng	m²	5.439	

PHỤ LỤC 10

Diện tích Trạm Y tế

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Trạm Y tế	m ²	280	Toàn bộ
2	Trạm Xá Thù Y	m ²	280	
	Tổng cộng	m²	560	

PHỤ LỤC 11

Diện tích Nhà xe

TT	Các hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Nhà để xe các loại	m ²	23.568	Toàn bộ

PHỤ LỤC 12

Diện tích Nhà vệ sinh

TT	Nhà vệ sinh	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
1	Diện tích khu vệ sinh cho sinh viên, cán bộ, nhân viên	m ²	160	Toàn bộ